

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN H
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2025/HS-ST**
Ngày: 17/01/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H, THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Lại**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Bùi Thị Bích Vân**

Bà Nguyễn Anh Thư

Thư ký phiên tòa: **Bà Hoàng Thị Bích Huệ** - Thư ký Tòa án nhân dân quận H, Thành phố H

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H tham gia phiên tòa: **Bà Lê Thị Nguyệt Ánh** - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2025/HSST ngày 03 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXX-HSST ngày 03 tháng 01 năm 2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nghiêm Xuân H**, sinh năm 1993; HKTT và chỗ ở: Thôn P, xã P, huyện T, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông: Nghiêm Văn M và bà: Nguyễn Thị T; Có vợ: Nguyễn Thị L và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Danh chỉ bản số 529 do Công an quận H lập ngày 25/10/2024; Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1974; Trú tại: Tổ 19, phường L, quận H, thành phố H (*Xin vắng mặt*).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Bùi Thị Linh N, sinh năm 1999; Trú tại: P, P, T, B (*Xin vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 3/2024, Nghiêm Xuân H là thợ xây, thợ cơ khí cho nhà chị Nguyễn Thị H (sinh năm: 1974, HKTT: thôn P, xã P, huyện T, tỉnh B) nên chị H và H quen biết nhau. Khoảng 13 giờ ngày 09/7/2024, H đi đến nhà chị H tại số 41 ngõ 479 L, phường L, quận H, thành phố H chơi nên chị H nhờ H sửa chữa, vận chuyển một số đồ dùng trong nhà. Sau khi làm xong, H thấy khát nước nên mượn chị H chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH, BKS: 34B2-991.65 để đi mua nước uống. Chị H đồng ý và đưa chìa khóa xe máy trên cho H đi. Trên đường đi, H nảy sinh ý định mang chiếc xe máy này đi cầm cố để lấy tiền tiêu

xải nên đã điều khiển xe máy đến cửa hàng cầm đồ Đức A (do chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1977, HKTT: P, T, B là chủ cơ sở). Tại đây, H gặp chị Bùi Thị Linh N (sinh năm: 1999, HKTT: P, P, T, B là nhân viên cửa hàng cầm đồ) và cầm cố chiếc xe máy trên với giá 15.000.000 đồng, lãi suất 2.500 đồng/01 ngày. Chị N chụp ảnh thẻ căn cước của Nghiêm Xuân H và giấy tờ xe máy, viết hợp đồng cầm đồ có chữ kí và điểm chỉ vân tay của H. Sau đó H đi về nhà và nhắn tin gửi cho chị H hình ảnh giấy cầm đồ chiếc xe máy của chị H và bảo chị H đến tiệm cầm đồ này để chuộc xe về. Ngày 10/7/2024, chị H đến Công an phường L để trình báo sự việc nêu trên.

Cơ quan công an đã tạm giữ của chị N:

- 01 xe mô tô Honda SH BKS: 34B2-991.65;
- 01 đăng ký xe máy mang tên Nguyễn Thị H;
- 01 chìa khóa xe mô tô Honda SH BKS 34B2-991.65;
- 01 hợp đồng cầm đồ của cửa hàn cầm đồ Đức A.

Tại bản Kết luận định giá số 210 ngày 27/8/2024 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự quận H kết luận: 01 xe máy nhãn hiệu Honda SH BKS: 34B2-991.65 trị giá **35.000.000 đồng**.

Qua xác minh, chiếc xe máy Honda SH BKS: 34B2-991.65 đứng tên chủ sở hữu của chị Nguyễn Thị H. Qua tra cứu, số khung, số máy của xe máy BKS: 34B2-991.65 là nguyên thủy, xe không nằm trong dữ liệu xe máy vật chứng. Xét thấy, đây là tài sản hợp pháp của chị H, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận H đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 7749 ngày 20/12/2024 bằng hình thức trao trả chiếc xe máy trên cho chị H. Chị H đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu khác và có đơn xin giảm nhẹ trách Nhiệm hình sự cho H.

Chị Bùi Thị Linh N khai: Hồi 15 giờ 30 phút ngày 09/07/2024, chị N đang làm việc tại cửa hàng cầm đồ Đức A thì H đi xe máy SH biển kiểm soát 34B2-991.65 đến và bảo muốn cầm đồ chiếc xe máy trên để trả công thợ. Chị N bảo H xuất trình giấy tờ và căn cước công dân sau đó chụp ảnh lại. Sau khi kiểm tra số khung, số máy của xe thì chị N bảo với H xe cầm được 15.000.000 đồng, lãi suất 2.500 đồng/ ngày. Sau khi H đồng ý, chị N viết hợp đồng cầm đồ có chữ kí và điểm chỉ vân tay của H. Chị N chuyển cho H số tiền 15 triệu đồng, sau khi nhận được tiền H để lại chiếc xe máy và ra về. Chị N cho biết đây là lần đầu tiên gặp H, giữa chị N và H không có mâu thuẫn gì với nhau. Quá trình điều tra xác định N không biết chiếc xe máy nêu trên do H phạm tội mà có nên hành vi của N không cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, do đó Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Tuy nhiên, N đã có hành vi cầm cố tài sản không chính chủ nên vi phạm điểm 1, khoản 3 Điều 12 Nghị định 144/2021 ngày 31/12/2021 của Chính phủ. Ngày 19/12/2024, Công an quận H đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với Bùi Thị Linh N về hành vi “*Nhận cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác nhưng không có giấy ủy quyền hợp lệ của người đó cho người mang tài sản đi cầm cố*”, xét là có căn cứ. H đã bồi thường cho chị N số tiền cầm cố chiếc xe máy nêu trên là 15.000.000 đồng. Chị N đã nhận bồi thường, không có yêu cầu khác và có đơn xin giảm nhẹ trách Nhiệm hình sự cho H.

Tại bản cáo trạng số 01/CT-VKS-HM ngày 30/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận H đã truy tố Nghiêm Xuân H về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

* **Tại phiên tòa:** Bị cáo Nghiêm Xuân H khai nhận đã thực hiện hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt chiếc xe máy như nội dung cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H tham gia phiên tòa sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo đã giữ nguyên quyết định truy tố. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo thành khẩn khai báo, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã bồi thường khắc phục hậu quả, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt Nghiêm Xuân H từ 18 tháng đến 22 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách từ 36 tháng đến 44 tháng về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Người bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì nên không xét.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã nhận lại số tiền 15.000.000 đồng, không yêu cầu gì nên không xét.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an quận H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận H trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 09/7/2024, tại số 41 ngõ 479 L, phường L, quận H, thành phố H, Nghiêm Xuân H đã lợi dụng lòng tin của chị Nguyễn Thị H, mượn chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH BKS: 34B2-991.65 trị giá 35.000.000 đồng để sử dụng, ngay sau đó, nảy sinh ý định chiếm đoạt, mặc dù không được chị H đồng ý, H đã mang chiếc xe máy trên đi cầm cố tại cửa hàng cầm đồ ở B được số tiền 15.000.000 đồng, sử dụng chi tiêu cá nhân

hết. Tài sản hiện đã được thu hồi trả cho chị Nguyễn Thị H. Giá trị tài sản H chiếm đoạt là 35.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Tội danh và hình phạt quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào quyền sở hữu đối với tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang cho người dân. Bị cáo đã lợi dụng lòng nhân ái và lòng tin của người bị hại để chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Hành vi của bị cáo Nghiêm Xuân H đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Tội danh và hình phạt quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân quận H, thành phố H truy tố bị cáo về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Tội danh và hình phạt quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, có thái độ ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Về quyết định hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Ngoài ra, qua xem xét, đánh giá, Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo mình thành người công dân tốt, nên thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo với một thời gian thử thách nhất định theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo nói riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung, đồng thời thể hiện được sự khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo được sửa chữa những sai lầm đã phạm phải.

[5] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Nghiêm Xuân H là lao động tự do, không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về bồi thường dân sự và các vấn đề khác:

Người bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu khác và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên không xem xét.

Đối với chị Bùi Thị Linh N là người nhận cầm cố xe máy SH biển kiểm soát 34B2-991.65, quá trình điều tra xác định chị N không biết chiếc xe máy H cầm cố là có từ việc H có hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản mà có, nên ngày 19/12/2024 công an quận H đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 7211/QĐ-XPHC đối với Bùi Thị Linh N về hành vi nhận cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác nhưng không có giấy ủy quyền hợp lệ của người đó cho người mang tài sản đi cầm cố theo quy định tại điểm 1 khoản 3 Điều 12 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ, Hội đồng xét xử không xét.

Đối với số tiền 15.000.000 đồng là số tiền chị Bùi Thị Linh N đã chuyển khoản cho bị cáo khi cầm cố chiếc xe máy trên. Chị N không biết chiếc xe máy do bị cáo phạm tội mà có, bị cáo đã bồi thường cho chị N số tiền 15.000.000 đồng, chị N đã nhận bồi thường, không có yêu cầu khác và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 175; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Căn cứ các Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nghiêm Xuân H phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

2. Xử phạt bị cáo Nghiêm Xuân H 18 (Mười tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (Ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nghiêm Xuân H cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh B để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo.

Trong trường hợp bị cáo Nghiêm Xuân H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Nghiêm Xuân H.

4. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là chị Nguyễn Thị H đã nhận lại tài sản và chị Bùi Thị Linh N đã nhận lại số tiền 15.000.000 đồng. Chị H và chị N không

có yêu cầu gì đối với bị cáo Nghiêm Xuân H về dân sự, nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí: Bị cáo Nghiêm Xuân H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nghiêm Xuân H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP H;
- Viện kiểm sát ND TP H;
- Viện KSND quận H;
- Công an quận H;
- Chi cục THADS quận H;
- Sở tư pháp H;
- Thi hành án hình sự;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lại